

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST
Ngày: 20-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Hương;

Bà Trần Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thành Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Mộng Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2922/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021, và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-DS, ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ph, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm 5, phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ph ủy quyền cho ông Nguyễn Thành Trúc, sinh năm 1987. Địa chỉ: số 70 đường số 58, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh tham gia tố tụng. (vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Cao Thị Thanh T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1961(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 3, xã TP, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 11 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thành T đại diện theo ủy quyền của là nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc Ph vắng mặt và có lời khai như sau:

Ngày 22/10/2018 bà Nguyễn Thị Ngọc D có vay của bà Ph số tiền 20.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất là 9%/năm nhưng đến nay bà D vẫn không có trả lãi và gốc cho Bà Ph. Ngày 26/01/2019 thì bà Cao Thị Thanh T có vay của Bà Ph số tiền là 80.000.000 đồng, cũng có thỏa thuận lãi suất là 9%/năm, nhưng từ khi vay đến nay bà T vẫn không có trả lãi và gốc cho Bà Ph.

Trước đây theo đơn khởi kiện thì Bà Ph có yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc mà bà T, bà D đã vay nay Bà Ph xin rút lại không yêu cầu tính lãi nữa.

Nay Bà Ph chỉ yêu cầu bà Cao Thị Thanh T trả số tiền nợ gốc đã vay là 80.000.000 đồng, yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc D phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc mà bà T, bà D đã vay.

Bà Cao Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Ngọc D cùng là bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà D, bà T theo đúng quy định pháp luật, nhưng bà D, bà T cố tình vắng mặt, bà D, bà T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không nêu ý kiến của mình. Vì vậy Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với nguyên đơn và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay bà D, bà T vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà D, bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn thì không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Ph. Buộc bà Cao Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ph số tiền nợ vay là 80.000.000 đồng, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ph số tiền nợ vay là 20.000.000 đồng.

Buộc bà Cao Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ph khởi kiện yêu cầu bà Cao Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc D trả số tiền nợ mà bà T, bà D đã vay. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Tòa án đã triệu tập bà Cao Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc D hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà T, bà D vẫn cố tình vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Đối với ông Nguyễn Thành Trúc là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ph khởi kiện yêu cầu bà Cao Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ vay là 80.000.000 đồng, yêu cầu bà D phải trả số tiền nợ vay là 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bà T, bà D vắng mặt không có lời khai. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bà D, bà T theo đúng quy định pháp luật nhưng bà T, bà D vẫn vắng mặt và không có lời khai cung cấp cho Tòa án.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp là hai tờ biên nhận vay tiền có nội dung thể hiện đầy đủ ngày, tháng, năm vay tiền, họ tên, năm sinh, địa chỉ cư trú của bị đơn và có thể hiện rõ số tiền vay là bao nhiêu, có chữ ký của bị đơn là bà Cao Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc D. Điều này thấy rằng hợp đồng vay tài sản giữa bà Cao Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc D thực tế có xảy ra, việc vay tiền của bà Cao Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc D là có thật. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Ngọc Ph khởi kiện yêu cầu bà Cao Thị Thanh T phải trả số tiền nợ vay là 80.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị

Ngọc D phải trả số tiền nợ vay là 20.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: do bà Nguyễn Thị Ngọc Ph không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bà Cao Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Ph.

Buộc bà Cao Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ph số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (*tám mươi triệu đồng*).

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ph số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Cao Thị Thanh T chịu nộp 4.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D chịu nộp 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004880, ngày 18 tháng 11 năm 2020 và số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004881, ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ph, bà Cao Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Ngọc D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THA-DS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Trúc Linh

